

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 tiền thân là Đoạn Quản lý đường sông số 5, được thành lập theo Quyết định số 121/QĐ/TC ngày 03/6/1977 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được đổi tên lần lượt thành Đoạn Quản lý đường sông số 13 (Quyết định số 1279/QĐ/TCCB-LĐ ngày 06/7/1992 của Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện), Đoạn Quản lý Đường thủy nội địa số 13 (Quyết định số 1224/QĐ-CĐS ngày 23/12/2008 của Cục Đường sông Việt Nam (nay là Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam)).

Công ty được phê duyệt phương án và chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4574/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 1601968090 đăng ký lần đầu ngày 27/3/2015, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 02/5/2016 là 8.475.580.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAYS MANAGEMENT MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY NO 13.

Tên Công ty viết tắt là: WAMICO NO 13.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 01 B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Xuân Hà	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tòng	Thành viên
Ông Phan Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhạn	Thành viên
Ông Trần Hải Nam	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Lâm Hiếu	Trưởng ban
Ông Đỗ Khắc Ban	Thành viên
Bà Trương Thị Yến Nga	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hà	Giám đốc
Ông Phan Văn Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tòng	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Xuân Hà
Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số: 135/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 13

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 13, được lập ngày 25/3/2022, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Phan Thanh Nam****Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Đàm Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		20.641.418.515	24.755.570.812
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.912.159.916	7.044.968.802
1. Tiền	111		3.912.159.916	7.044.968.802
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.924.691.000	3.177.600.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.924.691.000	3.177.600.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.618.824.381	14.087.619.142
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.408.542.606	14.152.675.423
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	912.945.272	637.607.216
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(702.663.497)	(702.663.497)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	383.113.287	93.904.987
1. Hàng tồn kho	141		383.113.287	93.904.987
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		802.629.931	351.477.881
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	198.099.996	351.477.881
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	604.529.935	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		2.827.034.587	2.568.087.255
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		2.827.034.587	2.568.087.255
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.827.034.587	2.568.087.255
- Nguyên giá	222		11.117.882.716	10.368.319.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.290.848.129)	(7.800.231.825)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		23.468.453.102	27.323.658.067

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.904.066.500	14.772.111.770
I- Nợ ngắn hạn	310		10.904.066.500	14.772.111.770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.725.248.980	5.554.358.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	960.526.988	653.026.988
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.693.871.739	2.475.436.297
4. Phải trả người lao động	314		4.131.208.259	5.361.500.308
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		393.210.534	727.789.618
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		12.564.386.602	12.551.546.297
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	12.564.386.602	12.551.546.297
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.475.580.000	8.475.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.475.580.000	8.475.580.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.331.516.681	1.033.397.333
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.757.289.921	3.042.568.964
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		18.892.697	61.375.486
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.738.397.224	2.981.193.478
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		23.468.453.102	27.323.658.067

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Văn Nhạn

Nguyễn Văn Nhạn

Ngô Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	37.808.218.327	36.886.969.374
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		37.808.218.327	36.886.969.374
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.819.641.031	29.046.745.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.988.577.296	7.840.223.740
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	183.589.662	260.328.672
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	5.240.268
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	5.240.268
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	253.746.657	350.334.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.495.423.771	4.278.473.651
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.422.996.530	3.466.504.044
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.422.996.530	3.466.504.044
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	684.599.306	485.310.566
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.738.397.224	2.981.193.478
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	3.231	2.990

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Văn Nhàn



Nguyễn Văn Nhàn



Ngô Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.422.996.530	3.466.504.044
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	490.616.304	344.461.895
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(183.589.662)	(260.328.672)
- Chi phí lãi vay	06	-	5.240.268
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.730.023.172	3.555.877.535
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	864.264.826	2.319.386.930
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(289.208.300)	43.253.597
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.449.254.926)	4.163.644.766
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	153.377.885	185.963.638
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(5.240.268)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(768.810.566)	(354.595.659)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(537.519.409)	(93.800.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(297.127.318)	9.814.490.485
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(749.563.636)	(1.343.951.818)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.924.691.000)	(27.177.600.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.177.600.000	27.073.200.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	183.589.662	260.328.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(313.064.974)	(1.188.023.146)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(796.957.480)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	2.034.139.200	(2.074.149.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.034.139.200	(2.871.106.618)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.423.946.908	5.755.360.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.044.968.802	1.289.608.081
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	8.468.915.710	7.044.968.802

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Nhạn

Nguyễn Văn Nhạn

Ngô Xuân Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**
Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 tiền thân là Đoàn Quản lý đường sông số 5, được thành lập theo Quyết định số 121/QĐ/TC ngày 03/6/1977 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được đổi tên lần lượt thành Đoàn Quản lý đường sông số 13 (Quyết định số 1279/QĐ/TCCB-LĐ ngày 06/7/1992 của Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện), Đoàn Quản lý Đường thủy nội địa số 13 (Quyết định số 1224/QĐ-CĐS ngày 23/12/2008 của Cục Đường sông Việt Nam (nay là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam)).

Công ty được phê duyệt phương án và chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4574/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 1601968090 đăng ký lần đầu ngày 27/3/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 02/5/2016 là 8.475.580.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAYS MANAGEMENT MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY NO 13.

Tên Công ty viết tắt là: WAMICO NO 13.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 95 người (tại ngày 31/12/2020 là 95 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; điều tiết; thanh thải vật chướng ngại; cứu hộ, cứu nạn; chống va trôi các cầu đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; hoa tiêu đường thủy; khảo sát đường thủy; Sản xuất báo hiệu đường thủy, cọc bê tông cốt thép; Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng; Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy; Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng phương tiện thủy, bộ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hoá; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch thủy nội địa; Cho thuê phương tiện thủy nội địa, ụ tàu.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành như: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; nạo vét sông, kênh, sang lấp mặt bằng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

179
NH
ÁN
NAI
NH
MINH
1-VN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	13-39
Máy móc, thiết bị	03-11
Phương tiện vận tải	06-17
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính 70 tháng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm biển báo hiệu Đường thủy Nội địa và cung cấp quản lý, bảo trì tuyến Đường thủy Nội địa, điều tiết đảm bảo giao thông thủy, tiết đảm bảo giao thông phục vụ thi công công trình.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	193.787.711	113.643.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.718.372.205	6.931.325.435
Tổng	3.912.159.916	7.044.968.802

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.924.691.000	2.924.691.000	3.177.600.000	3.177.600.000
Tổng	2.924.691.000	2.924.691.000	3.177.600.000	3.177.600.000

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất bình quân 5,6 %/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Cục đường thủy Nội địa Việt Nam	10.536.068.751	11.302.131.724
Công ty TNHH XD và Khảo sát Thanh Tuấn	845.856.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 2	434.571.000	434.571.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đông Nam Á	271.526.000	-
Các đối tượng còn lại	320.520.855	2.415.972.699
Tổng	12.408.542.606	14.152.675.423

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
 thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	803.169.200	-	515.622.200	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	109.776.072	-	121.985.016	-
Tổng	912.945.272	-	637.607.216	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cầu 14	67.488.305	-	67.488.305	-
Công ty Xây dựng Công trình 2	44.803.746	-	44.803.746	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	11.327.176	-	11.327.176	-
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc	103.569.462	-	103.569.462	-
Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	6.615.999	-	6.615.999	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	434.571.000	-	434.571.000	-
Công ty TNHH MTV Taydoshin	30.347.809	-	30.347.809	-
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Tấn Đạt	3.940.000	-	3.940.000	-
Tổng	702.663.497	-	702.663.497	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	383.113.287	-	93.904.987	-
Tổng	383.113.287	-	93.904.987	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	198.099.996	351.477.881
Tổng	198.099.996	351.477.881

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
 thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	1.749.927.163	638.237.205	7.404.336.530	575.818.182	10.368.319.080
Tăng trong năm	-	541.654.545	95.909.091	112.000.000	749.563.636
Mua trong năm	-	541.654.545	-	112.000.000	653.654.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	95.909.091	-	95.909.091
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	1.749.927.163	1.179.891.750	7.500.245.621	687.818.182	11.117.882.716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	1.271.202.680	538.020.208	5.918.261.925	72.747.012	7.800.231.825
Tăng trong năm	37.288.692	34.038.909	353.065.981	66.222.722	490.616.304
Khấu hao trong năm	37.288.692	34.038.909	353.065.981	66.222.722	490.616.304
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	1.308.491.372	572.059.117	6.271.327.906	138.969.734	8.290.848.129
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	478.724.483	100.216.997	1.486.074.605	503.071.170	2.568.087.255
Tại ngày 31/12/2021	441.435.791	607.832.633	1.228.917.715	548.848.448	2.827.034.587

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 4.446.842.779 VND (ngày 31/12/2020: 4.022.460.523 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Hợp tác xã Vận tải An Giang	2.189.220.000	2.189.220.000	2.069.100.000	2.069.100.000
Công ty TNHH MTV TM - DV - DL Ngôi Sao Mới	840.859.500	840.859.500	341.880.000	341.880.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thái Thắng	656.250.000	656.250.000	1.058.933.859	1.058.933.859
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị điện Hoàng Oanh	-	-	831.600.000	831.600.000
Các đối tượng còn lại	38.919.480	38.919.480	1.252.844.700	1.252.844.700
Tổng	3.725.248.980	3.725.248.980	5.554.358.559	5.554.358.559

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ban quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang	590.026.889	590.026.889
Công ty TNHH Phúc Thành Tân Châu	240.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	130.500.099	63.000.099
Tổng	960.526.988	653.026.988

5.11 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	2.475.436.297	3.025.169.700	3.806.734.258	1.693.871.739
Thuế GTGT	2.051.125.731	2.155.033.674	2.852.386.972	1.353.772.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp	424.310.566	684.599.306	768.810.566	340.099.306
Thuế thu nhập cá nhân	-	156.800.000	156.800.000	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	26.736.720	26.736.720	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Phải thu	-	-	604.529.935	604.529.935
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	604.529.935	604.529.935

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	8.475.580.000	1.033.397.333	1.033.551.805	10.542.529.138
Tăng trong năm	-	-	2.981.193.478	2.981.193.478
Lãi trong năm trước	-	-	2.981.193.478	2.981.193.478
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(972.176.319)	(972.176.319)
Số dư tại 31/12/2020	8.475.580.000	1.033.397.333	3.042.568.964	12.551.546.297
Số dư tại 01/01/2021	8.475.580.000	1.033.397.333	3.042.568.964	12.551.546.297
Lãi trong năm nay	-	-	2.738.397.224	2.738.397.224
Thưởng HĐQT, BKS (i)	-	-	(244.238.697)	(244.238.697)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	298.119.348	(298.119.348)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(447.179.022)	(447.179.022)
Chia cổ tức năm 2020 (i)	-	-	(2.034.139.200)	(2.034.139.200)
Số dư tại 31/12/2021	8.475.580.000	1.331.516.681	2.757.289.921	12.564.386.602

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông số tiền là 2.034.139.200 VND.
- Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát số tiền là 244.238.697 VND.
- Trích quỹ đầu tư phát triển số tiền là 298.119.348 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 447.179.022 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Stt	Cổ đông	Tại 31/12/2021			Tại 01/01/2021		
		Giá trị theo			Giá trị theo		
		Cổ phần	mệnh giá	Tỷ lệ	Cổ phần	mệnh giá	Tỷ lệ
		VND			VND		
1	Bộ Giao thông Vận tải	407.558	4.075.580.000	48,09%	407.558	4.075.580.000	48,09%
2	Ông Ngô Xuân Hà	74.700	747.000.000	8,81%	74.700	747.000.000	8,81%
3	Bà Trương Thị Yến Nga	60.200	602.000.000	7,10%	60.200	602.000.000	7,10%
4	Ông Phan Văn Bình	58.300	583.000.000	6,88%	58.300	583.000.000	6,88%
5	Các cổ đông khác	246.800	2.468.000.000	29,12%	246.800	2.468.000.000	29,12%
	Tổng	847.558	8.475.580.000	100%	847.558	8.475.580.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	8.475.580.000	8.475.580.000
Vốn góp tại ngày cuối năm	8.475.580.000	8.475.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(2.034.139.200)	(972.176.319)

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	847.558	847.558
Cổ phiếu phổ thông	847.558	847.558
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.331.516.681	1.033.397.333
Tổng	1.331.516.681	1.033.397.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.808.218.327	36.886.969.374
Tổng	37.808.218.327	36.886.969.374

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.819.641.031	29.046.745.634
Tổng	30.819.641.031	29.046.745.634

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	183.589.662	260.328.672
Tổng	183.589.662	260.328.672

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	5.240.268
Tổng	-	5.240.268

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí bằng tiền khác	253.746.657	350.334.449
Tổng	253.746.657	350.334.449

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.466.189.754	1.896.968.266
Chi phí đồ dùng văn phòng	219.815.867	260.963.638
Chi phí khấu hao TSCĐ	298.708.955	138.033.491
Thuế phí và lệ phí	28.736.720	28.736.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.789.600	33.022.000
Chi phí bằng tiền khác	1.424.182.875	1.920.749.536
Tổng	3.495.423.771	4.278.473.651

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.422.996.530	3.466.504.044
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.422.996.530	3.466.504.044
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	684.599.306	693.300.809
Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	-	207.990.243
Thuế TNDN hiện hành	684.599.306	485.310.566

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.738.397.224	2.981.193.478
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(447.179.022)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.738.397.224	2.534.014.456
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	847.558	847.558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.231	2.990

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi lương thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 giảm từ 3.517 VND xuống còn 2.990 VND.

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại VND	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.981.193.478	2.981.193.478	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(447.179.022)	447.179.022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.981.193.478	2.534.014.456	447.179.022
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	847.558	847.558	-
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.517	2.990	528

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.750.391.637	3.750.391.637
Chi phí nhân công	14.849.027.896	9.279.810.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.461.895	344.461.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.395.576.466	16.025.963.826
Chi phí khác bằng tiền	2.271.083.985	1.646.062.372
Tổng	33.610.541.879	31.046.689.763

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.245.666.468	1.928.357.486

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Văn Nhận

Nguyễn Văn Nhận

Ngô Xuân Hà